

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIỀNG IDICO
IDICO SROK PHU MIENG HYDROPOWER
JOINT STOCK COMPANY

Số/No.: 62/CT-TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Bình Phước, ngày 11 tháng 3 năm 2025
Binh Phuoc, March 11th, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*;

1. Tên tổ chức /Name of organization: Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miềng IDICO /*IDICO Srok Phu Mieng Hydropower joint stock Company*.
- Mã chứng khoán/Mã thành viên /*Stock code/Broker code*: ISH.
- Địa chỉ /*Address*: Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước /*Village 7, Long Binh Commune, Phu Rieng District, Binh Phuoc Province*.
- Điện thoại liên hệ /*Tel.*: 0271.3731400 - 0271.3731170. Fax: 0271.3731092.
- E-mail: idicoshp.vpth@gmail.com Website: www.idico-shp.vn

2. Nội dung thông tin công bố /Contents of disclosure:
“Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miềng IDICO” đã được Hội đồng quản trị Công ty ban hành tại Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 11/3/2025 /*“Information Disclosure Regulation of IDICO Srok Phu Mieng Hydropower Joint Stock Company” has been issued by the Company’s Board of Directors in Decision No. 05/QĐ-HĐQT dated 11/3/2025.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 11/3/2025 tại đường dẫn www.idico-shp.vn /This information was published on the Company’s website on 11/3/2025, as in the link www.idico-shp.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố /*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Đại diện tổ chức /Organization representative
Người đại diện theo pháp luật /Legal representative

Nơi nhận /Recipients: *TH*
- Như trên /*As above*;
- Website Công ty /*Company’s website*;
- Lưu /*Archive*: TH.


Trương Thanh Bình
Giám đốc /Director

Tài liệu đính kèm /Attached documents:
- Quyết định Hội đồng quản trị Công ty số 05/QĐ-HĐQT ngày 11/3/2025;
Decision of the Company’s Board of Directors No. 05/QĐ-HĐQT dated 11/3/2025;

QUYẾT ĐỊNH
V/v Ban hành Quy chế Công bố thông tin
Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc Ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung ngày 24/4/2024;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/4/2024;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 21/TTr-CT ngày 21/01/2025;

Căn cứ Phiếu lấy ý kiến số 02/PLYK-HĐQT ngày 21/01/2025 và Biên bản kiểm phiếu biểu quyết thành viên Hội đồng quản trị Công ty số 03/BB-HĐQT ngày 10/3/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (Quy chế đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3: Thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc, Phó giám đốc; Trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận: *✓* ✓

- Như Điều 3;
- BKS;
- Lưu: TH, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thịnh





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Bình Phước, tháng 3/2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Mục đích	2
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ	3
Điều 4. Trách nhiệm.....	4
Điều 5. Nguyên tắc báo cáo, CBTT	4
Điều 6. Người thực hiện CBTT	5
Điều 7. Phương tiện báo cáo, CBTT	6
Điều 8. Tạm hoãn CBTT	7
Điều 9. Bảo quản và lưu trữ thông tin công bố	7
CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
Điều 10. Chế độ báo cáo và CBTT	8
CHƯƠNG III. QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
Điều 11. Quy trình công bố thông tin	8
Điều 12. Trách nhiệm của Người thực hiện CBTT	11
Điều 13. Trách nhiệm của Bộ phận CBTT	11
Điều 14. Trách nhiệm các đơn vị và cá nhân liên quan	11
Điều 15. Xử lý vi phạm về CBTT	12
Điều 16. Thẩm quyền xử lý vi phạm	12
CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	12
Điều 17. Tổ chức thực hiện.....	12
Điều 18. Hiệu lực thi hành	13
PHỤ LỤC 1: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY	14
I. Công bố thông tin định kỳ	14
II. Công bố thông tin bất thường	15
III. Công bố thông tin theo yêu cầu	21
IV. Công bố thông tin về các hoạt động khác.....	22
V. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	22
VI. Công bố thông tin theo nhu cầu của Công ty	23
PHỤ LỤC 2: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC.....	24

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-HDQT ngày 11/3/2025
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế Công bố thông tin (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) được Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) ban hành nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với Công ty và các nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Quy chế quy định nội dung, cách thức, trình tự thực hiện công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty đối với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc: (i) công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính, Quy chế Công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan; và (ii) phối hợp quan hệ công tác giữa các cá nhân, đơn vị trực thuộc Công ty và các chủ thể có liên quan khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, minh bạch và kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

- a. Công ty;
- b. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương/các chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ của Công ty; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên); thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin (sau đây gọi chung là “người nội bộ”) và người có liên quan của người nội bộ;
 - Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;
 - Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;
 - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty;

c. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công ty/IDICO-SHP : Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO;
2. ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông;
3. HĐQT : Hội đồng quản trị;
4. BKS : Ban kiểm soát;
5. Đơn vị : Các phòng, ban, xưởng, nhà máy trực thuộc;
6. CBTT : Công bố thông tin;
7. UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
8. IDS : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
9. SGDCCKVN : Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
10. SGDCCKHN/HNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
11. CIMS : Hệ thống quản lý thông tin công ty của SGDCCKHN;
12. VSDC : Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
13. NNB : Người nội bộ;
14. NCLQ : Người có liên quan;
15. BCTC : Báo cáo tài chính;
16. Phòng TCKT : Phòng Tài chính kế toán;
17. Phòng KHKT : Phòng Kế hoạch kỹ thuật;
18. GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
19. Thông tư 96/2020/TT-BTC: là Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“*Thông tư 96/2020*”);
20. Người nội bộ (“*NNB*”) của Công ty: là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm; Trưởng BKS và thành viên BKS (*Kiểm soát viên*); thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
21. Người có liên quan (“*NCLQ*”): là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Công ty và người nội bộ của Công ty;
 - (ii) Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
 - (iii) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - (iv) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - (v) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá

nhân kia;

(vi) *Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.*

22. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan bao gồm các tổ chức nước ngoài là người có liên quan có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
23. Ngày CBTT: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT quy định tại Điều 7 Quy chế này;
24. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận: là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 4. Trách nhiệm

1. Bộ phận CBTT chịu trách nhiệm gửi nội dung thông tin công bố đã được duyệt đến thị trường chứng khoán (*UBCKNN, SGDCKHN, VSDC, cổ đông và nhà đầu tư*);
2. Người thực hiện CBTT chịu trách nhiệm liên hệ và làm việc với các đơn vị quản lý phương tiện thông tin đại chúng;
3. Phòng Tổng hợp chịu trách nhiệm đăng tải thông tin trên website công ty;
4. Đơn vị và cá nhân có liên quan được đề cập tại mục “**Chương II. Nội dung công bố thông tin**” có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo đúng Quy chế này.

Điều 5. Nguyên tắc báo cáo, CBTT

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.
2. Việc công bố các thông tin cá nhân (*bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ*) chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý. Nếu cá nhân đó không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCKHN 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCKHN thực hiện công khai thông tin.
3. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
4. Đối tượng CBTT theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này, khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCKHN (*noi chứng khoán đăng ký giao dịch*) về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 2 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCKHN 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai



thông tin.

5. Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện theo quy định của pháp luật.
6. Đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:
 - Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm;
 - Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm.
7. Ngôn ngữ CBTT trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Công ty thực hiện CBTT đồng thời bằng tiếng Anh. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng. Thời gian CBTT đồng thời bằng tiếng Anh theo lộ trình như sau:
 - a. CBTT định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2025;
 - b. CBTT bất thường, CBTT theo yêu cầu và CBTT về các hoạt động khác đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2026;

Điều 6. Người thực hiện CBTT

1. Các đối tượng CBTT là tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua một (01) người đại diện theo pháp luật là Giám đốc hoặc một (01) cá nhân là người được ủy quyền CBTT của tổ chức đó.
 - a. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn một (01) người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định một (01) người chịu trách nhiệm CBTT.
 - b. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCKHN trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT bao gồm: Giấy ủy quyền CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục I, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020.
2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ CBTT hoặc ủy quyền cho một (01) tổ chức (Công ty, VSDC hoặc tổ chức khác) hoặc một (01) cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ CBTT theo quy định như sau:
 - Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ CBTT, trong lần CBTT đầu tiên, nhà đầu tư cá

- nhân phải nộp cho UBCKNN và SGDCKHN Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020 và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;
- Trường hợp ủy quyền CBTT, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (*nếu có*) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền CBTT để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, CBTT theo quy định pháp luật;
 - Cá nhân phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền CBTT cho UBCKNN và SGDCKHN trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người được ủy quyền CBTT bao gồm: Giấy ủy quyền CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 96/2020, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020 (*trường hợp người được ủy quyền CBTT là cá nhân*).
3. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện nghĩa vụ báo cáo và CBTT theo quy định của Thông tư 96/2020 và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 7. Phương tiện báo cáo, CBTT

1. Các phương tiện báo cáo, CBTT bao gồm:
 - a. Trang thông tin điện tử (*website*) của Công ty;
 - b. Hệ thống CBTT của Ủy ban chứng khoán nhà nước (“IDS”);
 - c. Trang thông tin điện tử của SGDCKHN (“CIMS”), phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCKHN;
 - d. Trang thông tin điện tử của VSDC.
 - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (*báo in, báo điện tử, ...*).
2. Việc thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử (*website*) của Công ty được quy định như sau:
 - Khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCKHN và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
 - Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (*nhà đầu tư*), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (*nếu có*), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*nếu có*), Bản cáo bạch (*nếu có*), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt



- động khác theo quy định;
- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
3. Người thực hiện CBTT và các cá nhân/đơn vị được phân công thực hiện CBTT của Công ty thông qua các phương tiện báo cáo, CBTT tại khoản 1 Điều này phải đảm bảo nguyên tắc:
 - a. Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm: tên truy cập, mật khẩu và các thông tin cần thiết khác để đăng nhập và thực hiện CBTT;
 - b. Thực hiện CBTT theo đúng hướng dẫn của UBCKNN, SGDCCKHN và/hoặc VSDC.
 4. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng: Các thông tin được cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng dưới các hình thức như trả lời phỏng vấn, bài viết, thông tin bằng các hình thức khác, ... liên quan đến nội dung CBTT của Công ty phải là thông tin đã được Ban giám đốc Công ty phê duyệt.
 5. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
 6. Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCCKHN thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCCKHN.

Điều 8. Tạm hoãn CBTT

1. Đối tượng CBTT được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (*thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác*) và phải báo cáo UBCKNN, SGDCCKHN về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (*trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT*), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 9. Bảo quản và lưu trữ thông tin công bố

1. Thông tin công bố phải được lưu trữ dưới dạng văn bản, tập tin điện tử, dữ liệu, băng ghi hình, băng ghi tiếng, bài báo, ...
2. Bộ phận lưu trữ:
 - Bộ phận CBTT: chịu trách nhiệm lưu trữ thông tin được công bố theo pháp luật về chứng khoán;
 - Phòng Tổng hợp: chịu trách nhiệm lưu trữ thông tin được công bố dưới dạng điện tử;
 - Đơn vị phụ trách: chịu trách nhiệm lưu trữ thông tin được công bố dưới dạng văn bản.
3. Việc bảo quản, lưu trữ thông tin công bố phải tuân thủ theo những quy định của pháp luật hoặc quy định về lưu trữ thông tin hiện hành của Công ty.
4. Thời gian lưu trữ thông tin đã công bố căn cứ theo khoản 6 Điều 5 Quy chế này.

80841
CÔNG
CỐ PH
THỦY E
OK PHU
IDIC
TNG-T.

CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 10. Chế độ báo cáo và CBTT

1. Công ty thực hiện chế độ báo cáo và CBTT trong các trường hợp sau:
 - a. CBTT định kỳ theo quy định tại Mục I - Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này;
 - b. CBTT bất thường theo quy định tại Mục II - Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này;
 - c. CBTT theo yêu cầu theo quy định tại Mục III - Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này;
 - d. CBTT về các hoạt động khác của công ty theo quy định tại Mục IV - Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này;
 - e. CBTT về giao dịch chào mua công khai theo quy định tại Mục V - Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này;
 - f. CBTT theo nhu cầu của công ty theo quy định tại Mục VI - Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.
2. Chế độ báo cáo, CBTT của các đối tượng khác theo quy định tại Phụ lục 2 đính kèm Quy chế này.

CHƯƠNG III. QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 11. Quy trình công bố thông tin

1. Lưu đồ

7448
TY
S
N
EN
MIEM
INH

Bước	Lưu đồ	Trách nhiệm
1	Cung cấp thông tin sự kiện phát sinh	Đơn vị, cá nhân liên quan.
2	Xử lý thông tin	Bộ phận CBTT
3	Phê duyệt	Người thực hiện CBTT
4	Công bố thông tin	Bộ phận CBTT
5	Phản hồi	Đối tượng nhận thông tin công bố
6	Lưu trữ	Bộ phận CBTT, Phòng Tổng hợp. Đơn vị, cá nhân liên quan.



2. Nội dung lưu đồ

2.1. CBTT theo Luật Chứng khoán:

Bước 1. Cung cấp thông tin

- (i) Định kỳ hoặc khi phát sinh các thông tin cần công bố theo quy định, Bộ phận liên quan thuộc Công ty phải ngay lập tức gửi thông tin đến Bộ phận CBTT theo thời gian quy định cho từng loại thông tin cần phải công bố nhưng chậm nhất là 15 giờ 00 phút trong ngày cuối cùng phải CBTT; Thông tin được trình bày dưới dạng văn bản, kèm theo tập tin dữ liệu điện tử (Word, Excel, PDF, ...);
- (ii) Bộ phận liên quan phải thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu CBTT cho UBCKNN, SGDCCKHN, VSDC và CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Ghi chú: Bộ phận liên quan cung cấp thông tin và thời hạn cung cấp thông tin theo Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.

Bước 2. Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do Đơn vị phụ trách cung cấp, Bộ phận CBTT thực hiện theo trình tự sau:

- (i) Kiểm tra thông tin;
- (ii) Đối chiếu với các quy định về CBTT;
- (iii) Soạn thảo văn bản CBTT theo quy định của pháp luật.

Bước 3. Phê duyệt

Bộ phận CBTT chuyển Người thực hiện CBTT xem xét và phê duyệt trước khi CBTT.

Bước 4. Công bố thông tin

Bộ phận CBTT chịu trách nhiệm: (i) CBTT qua hệ thống CBTT của SGDCCKHN và của UBCKNN, (ii) gửi tài liệu CBTT (*bản giấy*) cho SGDCCKHN (*trừ trường hợp SGDCCKHN thông báo khác*), và (iii) bảo quản và lưu giữ thông tin theo quy định pháp luật. Đồng thời gửi Phòng Tổng hợp để đăng tải nội dung CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đúng yêu cầu về nội dung và thời hạn CBTT theo quy định của pháp luật.

Bước 5. Phản hồi

- Trong trường hợp thông tin đã công bố nhận được phản hồi là chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ, Bộ phận CBTT sẽ quay lại bước 2 và thực hiện lại theo quy trình.
- Trong trường hợp thông tin đã công bố nhận được phản hồi là chính xác, Bộ phận CBTT, đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện tiếp bước 6.

Bước 6. Bảo quản và lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và CBTT sẽ được bảo quản, lưu trữ tại Công ty theo Điều 9 Quy chế này.

2.2. CBTT cho các phương tiện thông tin đại chúng:

Bước 1. Cung cấp thông tin

- Khi phát sinh các thông tin, sự việc mà xét rằng (i) có thể tạo ra ảnh hưởng tích cực đến hình ảnh, thương hiệu, uy tín, truyền thông về Công ty (*Ví dụ: Giải thưởng, Thành tích, Cải tiến mới, ...*); hoặc (ii) có thể tạo ra những tác động tiêu cực đến Công ty (*Sự cố, Khiếu nại, Vi phạm, Thông báo từ các cơ quan chức năng, ...*); hoặc (iii) cần/nên được Công ty chủ động CBTT: Người đứng đầu đơn vị phụ trách phải báo cáo ngay đến Người thực hiện CBTT;
- Người thực hiện CBTT xem xét tính chất và mức độ quan trọng của thông tin, nếu xét thấy cần thực hiện công bố thì chuyển thông tin đến Bộ phận CBTT.

Bước 2. Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do đơn vị phụ trách cung cấp, Bộ phận CBTT thực hiện theo trình tự sau:

- Kiểm tra thông tin;
- Đối chiếu với các quy định về CBTT;
- Soạn thảo văn bản CBTT theo quy định của pháp luật.

* **Lưu ý:** Thông tin trước khi trình duyệt để công bố chính thức phải được các bộ phận liên quan xem xét lại về tính chính xác và đầy đủ.

Bước 3. Phê duyệt

Phương tiện công bố, nội dung công bố, văn bản thông cáo báo chí, nội dung phỏng vấn và người trực tiếp trả lời phỏng vấn (*nếu có*) phải được phê duyệt bởi Người thực hiện CBTT.

Bước 4. Công bố thông tin



- Việc CBTT được thực hiện theo một trong các hình thức sau đây nhưng không giới hạn:
 - + Chuyên thông tin bằng văn bản cho các Phương tiện thông tin đại chúng;
 - + Thực hiện phỏng vấn để đăng tin hoặc bài viết;
 - + Thực hiện phỏng vấn, phóng sự theo hình thức ghi hình, ghi tiếng.
- Bộ phận CBTT có trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan cho việc thực hiện công bố và thông báo cho các bộ phận liên quan về thời điểm mà các Phương tiện thông tin đại chúng đưa tin chính thức.

Bước 5. Phản hồi

- Trong trường hợp các phương tiện thông tin đại chúng đưa tin có sai lệch so với thông tin của Công ty, Bộ phận CBTT có trách nhiệm phối hợp với Bộ phận phát sinh thông tin và/hoặc người trực tiếp trả lời phỏng vấn để giải quyết, thực hiện điều chỉnh nội dung Thông tin kịp thời. Nếu việc sai lệch thông tin được xem là nghiêm trọng và có thể gây ảnh hưởng đến Công ty, Người đứng đầu đơn vị phụ trách phải báo cáo cho Người thực hiện CBTT đề xin ý kiến chỉ đạo giải quyết.
- Trong trường hợp thông tin đã công bố nhận được phản hồi là chính xác, Bộ phận CBTT, đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện tiếp bước 6.

Bước 6. Bảo quản và lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và CBTT sẽ được bảo quản, lưu trữ tại Công ty theo Điều 9 Quy chế này.

Điều 12. Trách nhiệm của Người thực hiện CBTT

1. Người thực hiện CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, SGDCCKHN, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật.
2. Người thực hiện CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT một cách cẩn trọng, trung thực, hợp lý.
3. Người thực hiện CBTT trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các bộ phận, cá nhân liên quan cung cấp thông tin theo nội dung Quy chế này.

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ phận CBTT

1. Giám sát việc thực hiện đúng quy trình CBTT.
2. Kiểm tra tính chính xác, phù hợp với nội dung thông tin cần công bố, công bố, đối chiếu với các quy định hiện hành về CBTT và thực hiện CBTT đến các tổ chức, cá nhân cần thiết theo quy định.
3. Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Giám đốc về việc thực hiện CBTT.
4. Thực hiện các công việc khác được giao.
5. Bộ phận CBTT gồm có:
 - Phòng Tổng hợp: phụ trách việc liên hệ, giao dịch và công bố thông tin cho UBCKNN, SGDCCKHN, đăng website Công ty.
 - Phòng TCKT: phụ trách việc liên hệ, giao dịch và gửi hồ sơ/tài liệu cho VSDC.

Điều 14. Trách nhiệm các đơn vị và cá nhân liên quan

1. Đảm bảo tuân thủ và thực hiện đúng Quy chế công bố thông tin.

2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của Bộ phận CBTT.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin cung cấp cho Người thực hiện CBTT /Bộ phận CBTT.

Điều 15. Xử lý vi phạm về CBTT

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các nội dung tại Quy chế này, quy định pháp luật về CBTT gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.
2. Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.
3. Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế CBTT này.
4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Giám đốc, Giám đốc sẽ báo cáo HĐQT xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 16. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ Người thực hiện CBTT: việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và thẩm quyền của HĐQT.
2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban: việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và thẩm quyền của Giám đốc.

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Người thực hiện CBTT chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động báo cáo, CBTT của Công ty liên quan Quy chế này.
2. Bộ phận CBTT hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và báo cáo, CBTT định kỳ, bất thường, ... cho UBCKNN, SGDCCKHN, VSDC về việc thực hiện CBTT và các đối tượng khác chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
3. Đơn vị, cá nhân tổ chức triển khai, thực hiện Quy chế này theo trách nhiệm và thẩm quyền đã được quy định.
4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định thông qua.
5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có các yêu cầu sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện quy định về CBTT, đề nghị gửi về Bộ phận CBTT để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.
6. Trường hợp những nội dung trong Quy chế này không còn phù hợp với quy định pháp luật, Công ty sẽ thực hiện theo quy định mới của pháp luật.
7. Trường hợp các văn bản pháp luật đang được Công ty tham chiếu để xây dựng Quy chế này nếu có thay đổi, hiệu chỉnh, bổ sung nhưng không làm ảnh hưởng đến những nội dung phải thực hiện công bố thông tin theo quy định, thì vẫn được áp dụng theo Quy chế này.



Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này bao gồm 04 Chương, 18 Điều và 02 Phụ lục, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc, các đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này. *km 2*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
SROK PHU MIÊNG
IDICO
km
Nguyễn Văn Thịnh

...T.C.P * 20...

PHỤ LỤC 1: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

I. Công bố thông tin định kỳ

- Công ty sẽ CBTT định kỳ đối với các thông tin được quy định tại Mục I Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này phù hợp với Điều 10, Điều 14 của Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- Khi CBTT các BCTC nêu tại các khoản 1 Mục này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp được quy định tại khoản 4 Điều 14 của Thông tư 96/2020.

TT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện CBTT
1	Báo cáo tài chính (“BCTC”) bao gồm:			
1.1	BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.2	BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	Trong thời hạn 05 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 45 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có).	Trong thời hạn 20 ngày , kể từ ngày kết thúc quý.	Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.4	Giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:	Văn bản giải trình và thời gian báo cáo tương ứng thời hạn của mục 1.1, 1.2, 1.3.	Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
	+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại. + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên,			

TT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện CBTT
	chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.			
2	Báo cáo thường niên: Theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC (<i>Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán</i>).	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Phòng TCKT (<i>phụ trách chính</i>), Phòng KHKT, Phòng Tổng hợp	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty: - Bán niên; - Năm. Theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.	- Bán niên: Trong thời hạn 30 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm. - Năm: Trong thời hạn 30 ngày , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.	Người được ủy quyền CBTT (<i>phụ trách chính</i>), Người nội bộ Công ty, Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
4	Bản cung cấp thông tin về quản trị Công ty: - Bán niên; - Năm.			SGDCKHN
5	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:			
5.1	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ thường niên, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty (<i>phụ trách chính</i>), Tổ soạn thảo tài liệu (<i>Phòng TCKT, Phòng KHKT, Phòng Tổng hợp</i>)	UBCKNN, SGDCKHN, Website Công ty
5.2	Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty

II. Công bố thông tin bất thường

Mẫu biểu: Mẫu Phụ lục VI kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK trừ khi có hướng dẫn khác.

TT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện CBTT
1	Công ty phải CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây và nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có):			
1.1	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp nêu trên.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động. <i>(Mẫu Phụ lục III kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK Việt Nam)</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Phòng Tổng hợp	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.3	Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu <i>(trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)</i> . Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.4	Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty

40744
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
SROK PHU MIÊNG
IDICO
T. BÌNH

TT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện CBTT
1.5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty (<i>phụ trách chính</i>), Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (<i>chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp</i>), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng Tổng hợp, Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (<i>trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật</i>); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (<i>sau khi đã ký hợp đồng</i>); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.9	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau: - Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty

TT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện CBTT
	<p>UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT; <p><i>(Mẫu Phụ lục V kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK Việt Nam).</i></p> 			
1.11	<p>Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ <i>(Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).</i></p> <p><i>(Mẫu Phụ lục I kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK Việt Nam);</i> Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCKHN bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.</p>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Người được ủy quyền CBTT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận quyết định.	Phòng Tổng hợp, Người nội bộ của Công ty	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty

TT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện CBTT
1.14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Phòng Tổng hợp, Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.15	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận thông báo.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng Tổng hợp	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.16	Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin có ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng TCKT, Phòng Tổng hợp	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Bộ phận liên quan	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.19	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
1.21	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
2	Họp ĐHĐCĐ bất thường:			

TT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện CBTT
2.2	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ bất thường, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ bất thường.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty (<i>phụ trách chính</i>), Tổ soạn thảo tài liệu (<i>Phòng TCKT, Phòng KHKT, Phòng Tổng hợp</i>)	UBCKNN, SGDCCKHN, website Công ty
2.3	Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty	UBCKNN, SGDCCKHN, website Công ty
3	Lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản:			
3.1	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết: phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông.	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty (<i>phụ trách chính</i>), Tổ soạn thảo tài liệu (<i>Phòng TCKT, Phòng KHKT, Phòng Tổng hợp</i>)	UBCKNN, SGDCCKHN, website Công ty
3.2	Biên bản kiểm phiếu, nghị quyết của ĐHĐCĐ.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty	UBCKNN, SGDCCKHN, website Công ty
4	CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.	- Trường hợp để tham dự họp ĐHĐCĐ: tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. - Trường hợp khác: tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCCKHN, VSDC, website Công ty

TT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện CBTT
5	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC.	Trong thời hạn theo quy định tại khoản 1.1, 1.2, 1.3 Mục I phụ lục 1 Quy chế này.	Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
6	Trường hợp đặc biệt khác Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty

III. Công bố thông tin theo yêu cầu

Công ty CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCKHN nơi Công ty đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

TT	Sự kiện	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện CBTT
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty, Phòng TCKT (và/hoặc Bộ phận khác có liên quan)	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty
2	Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	UBCKNN, SGDCKHN yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).			

407.
NG T
PHẢI
SỰ Đ
PHU M
IDICO
G-T.B

IV. Công bố thông tin về các hoạt động khác

TT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện CBTT
1	Hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty, VSDC
2	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty, VSDC
3	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Thực hiện theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày , kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.	Phòng TCKT	UBCKNN, SGDCKHN, website Công ty

V. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

(Theo Điều 35 Thông tư 96/2020 và Điều 86, 87 Nghị định 155/2020).

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công ty phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về chào mua công khai, cụ thể:

TT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện CBTT
1	Công ty có trách nhiệm CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai trên trang thông tin điện tử của công ty, SGDCK.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	Tổ chức, cá nhân chào mua công khai	Website Công ty, SGDCKHN

TT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện CBTT
2	HĐQT Công ty phải CBTT cho cổ đông, nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai; đồng thời báo cáo UBCKNN. Đánh giá, khuyến nghị của HĐQT Công ty đối với việc chào mua công khai cổ phiếu phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp một hoặc một số thành viên HĐQT có ý kiến khác, HĐQT phải công bố kèm theo các ý kiến này.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty	Website Công ty, UBCKNN

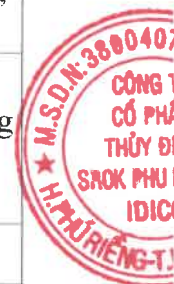
VI. Công bố thông tin theo nhu cầu của Công ty

Khi Công ty có nhu cầu CBTT trên website ngoài các quy định trên, đơn vị phụ trách căn cứ vào tình hình thực tế để triển khai nội dung liên quan.



PHỤ LỤC 2: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

TT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện CBTT
I	CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA CÔNG TY			
1	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên.	Đối tượng có nghĩa vụ cung cấp	UBCKNN, SGDCKHN, Công ty
2	Cổ đông lớn CBTT và báo cáo khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi (<i>tính từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán</i>).	Đối tượng có nghĩa vụ cung cấp	UBCKNN, SGDCKHN, Công ty
3	Công ty CBTT trên website chính thức của Công ty về các trường hợp tại mục 1, 2 nêu trên.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại mục 1, 2 nêu trên.	Phòng Tổng hợp	Website Công ty
II	CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ			
1	NNB và NCLQ của các đối tượng này (<i>sau đây gọi chung là NCLQ</i>) phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCKHN (<i>đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết</i>), Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (<i>đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ</i>) hoặc theo giá phát hành gần nhất (<i>đối với chứng quyền có bảo đảm</i>) hoặc giá trị chuyển nhượng (<i>đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái</i>	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc.	Đối tượng có nghĩa vụ cung cấp	UBCKNN, SGDCKHN, Công ty



TT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện CBTT
	<i>phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCKHN (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).</i>			
2	NNB và NCLQ phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.	Đối tượng có nghĩa vụ cung cấp	UBCKNN, SGDCKHN, Công ty
3	Công ty CBTT trên website chính thức của Công ty về các trường hợp tại mục 1, 2 nêu trên.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của NNB và NCLQ theo quy định tại mục 1, 2 nêu trên.	Phòng Tổng hợp	Website Công ty

